

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3098/TTr-STNMT ngày 20 tháng 11 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quyết định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Cơ quan Thuế căn cứ nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan:

a) Đối với khoáng sản đang khai thác: Căn cứ số liệu tại báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản của năm trước liền kề, trường hợp có

thay đổi về tỷ lệ cần điều chỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc ban hành tỷ lệ phù hợp với tình hình thực tế, làm cơ sở cho người nộp phí kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường cho thời gian tiếp theo.

b) Đối với các mỏ cấp phép khai thác lần đầu: Căn cứ hồ sơ về trữ lượng khoáng sản, nếu trong khoáng sản nguyên khai có từ hai (2) loại khoáng sản trở lên hoặc trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa từ hai (2) khoáng vật, khoáng chất có ích trở lên, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định tỷ lệ trước khi tổ chức, cá nhân được cấp phép tiến hành khai thác khoáng sản, làm cơ sở cho người nộp phí kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường. Năm sau, căn cứ số liệu tại báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, trường hợp có thay đổi về tỷ lệ cần điều chỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tỷ lệ phù hợp với tình hình thực tế, làm cơ sở cho người nộp phí kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường cho thời gian tiếp theo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Văn phòng UBND tỉnh: V2, V3;
- Lưu: VT, Kt7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Trọng Hải**

**PHỤ LỤC: TỶ LỆ CỦA TỪNG LOẠI KHOÁNG SẢN NGUYÊN KHAI CÓ  
TRONG TỔNG KHỐI LƯỢNG KHOÁNG SẢN NGUYÊN KHAI CHỨA  
NHIỀU KHOÁNG VẬT, KHOÁNG CHẤT CÓ ÍCH ĐỐI VỚI KHAI THÁC  
KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

<b>STT</b>	<b>Tên mỏ</b>	<b>Loại khoáng sản</b>	<b>Tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai</b>	<b>Đơn vị được cấp phép khai thác</b>
1	Mỏ chì kẽm Si Phay, xã Mù Sang, huyện Phong Thổ	Chì (Pb)	0,60	Công ty cổ phần đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản Đất Việt
		Kẽm (Zn)	0,40	
2	Mỏ chì kẽm Nậm Sa, xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ	Chì (Pb)	0,51	Công ty TNHH thương mại và khoáng sản Hoàng Nam
		Kẽm (Zn)	0,49	
3	Mỏ cát sỏi sông Nậm Na, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ	Cát bê tông	0,685	Công ty TNHH MTV Thành Đạt Lai Châu
		Cát làm vữa	0,315	
4	Mỏ cát sỏi sông Nậm Na thuộc thị trấn Phong Thổ và xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ	Cát bê tông	0,641	Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Sơn Lâm
		Cát làm vữa	0,278	
		Cuội, sỏi	0,081	
5	Mỏ cát sỏi khu 2 suối Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	Cát bê tông	0,110	Công ty TNHH dịch vụ thương mại và xây dựng Nhật Minh
		Cát làm vữa	0,830	
		Cuội, sỏi	0,060	
6	Mỏ cát sỏi sông Nậm Mu, bản Phiêng Cúm, xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên	Cát bê tông	0,086	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Bảo Sơn
		Cát làm vữa	0,346	
		Cuội, sỏi	0,568	